









TÁC - GIẢ  
HẢI - THƯỢNG - LÂN - ÔNG — LÊ - HỮU - TRÁC  
Y - TỎ VIỆT - NAM  
\*

# CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN

珠 玉 格 言



HÀU SINH  
ĐINH - NINH — LÊ - DỨC - THIẾP  
PHƯƠNG DỊCH



## **Máy lời của dịch giả**

Kính thưa Quý Vị Độc Giả,

Quyển CHÁU NGỌC CÁCH NGÔN này là quyển thứ 63 trong toàn bộ HẢI THUẬN Y TÔN TÂM LÃNH 66 quyển của ĐỨC HẢI THUẬN LÂN ÔNG LÊ HỮU TRÁC trứ tác.

Dịch giả trước khi bắt đầu dịch quyển CHÁU NGỌC CÁCH NGÔN này có ý « văn tổ tầm tông » nên đã đọc mấy bài tựa ở quyển đầu trong toàn bộ có những câu :

KHAM TÁC Y GIA NHẤT TỶ TỒ. Đó là lời THẠCH TRAI TIÊN SINH (Bào huynh của Y-tổ) khuyên Ngài nên trù thư lập ngôn, di truyền hậu đại, ngô hầu có thể làm một vị Thủy tổ của Y-gia mới không phải là kẻ hư sinh. Chắc Tiên sinh đã biết thiên tài của ngài, nên mới nói câu đó. Nay Y giới Việt-Nam ta tôn Ngài làm Y-Tổ. Lời nói trên quả có linh nghiệm.

TRI YẾU CHI HỌC, NAM BANG NHẤT NHÂN NHI DĨ : Học mà biết hết cốt yếu, cả nước Nam này chỉ có một người mà thôi. Đó là lời ĐƯỜNG MY VŨ XUÂN HIỂN khi soạn sách của Ngài đề án hành. Chắc ông đã tìm thấy nhiều ý nghĩa cao sâu, nên nói lên lời suy tôn Ngài.

**TRI ÂN BẢO BẢN.** Đức Y-Tồ trong khi nghiên cứu Y-Khoa. Ngài đọc bao nhiêu sách, đi bao nhiêu nơi để tìm thầy tìm bạn, chưa đủ hoài bão. Mãi đến khi được đọc bộ **PHÙNG THI CẦM NANG** của **PHÙNG TRIỆU TRƯỞNG** hiệu **SỞ CHIÊM TIỀN SINH**. Ngài mới thấu triệt hết chân cơ huyền bí của thủy hỏa âm dương để điều dụng. Vậy mà Ngài vẽ tướng tượng ảnh Đức **PHÙNG CÔNG** để tôn làm Thầy mà sớm tối đèn nhang thờ phụng và hàng năm Xuân tế (những bài văn tế còn chép ở quyển đầu). Như vậy lòng trông cậy vào Thần minh soi tới và lòng tri ân báo bản của Ngài thấm hậu biết chừng nào !

Đến khi Dịch Giả đọc quyển **CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN** này nhận thấy Ngài thu gọn đức kết những tinh vi huyền diệu và căn bản cốt yếu về y lý, bệnh lý, dược lý trong đại đạo âm dương ngũ hành mà đặt thành những câu cách ngôn bằng văn đối, lời văn uẩn súc, ý nghĩa bao hàm, đã phụ thêm những điều cổ nhân còn thiếu sót, lại phát minh những điều cổ nhân chưa nói tới. Thật là những lời vàng ngọc, quảng bác và tân kỳ.

Những người có chí theo y đạo, cứ thuộc lòng những câu cách ngôn đó như thuộc ca dao, lục ngữ, đến khi lâm chứng ứng thủ, hẳn là thi trị được hiệu nghiệm mau chóng không sợ sai lầm.

Quyển **Châu Ngọc Cách Ngôn** này nghe nói đã có mấy vị dịch ra quốc văn rồi, nhưng hình như đã thất lạc hay chưa ấn hành, nên chưa thấy nhiều người có để đọc.

Bởi những lẽ đó, **DỊCH GIẢ** : Phần thì kính cần và ngưỡng mộ Nho Y tài đức của Tiên nhân ; phần muốn suy tầm những y lý học hiêm cao sâu ; phần nữa cũng muốn phổ thông tinh hoa của nền y học nước nhà. Nên **DỊCH GIẢ** dù Nho học còn sơ thiển nhưng đã 50 năm trong y nghiệp thì những thường kinh cận lý đã am tường, nên dám mạo muội phiên dịch ra quốc âm để cống hiến Quý Vị Học giả hiếu học.

Trong phần phiên dịch, nếu dịch theo những danh từ y học trong nguyên bản thì những người mới học không thể hiểu. Nên **DỊCH GIẢ** đã dịch theo lời văn giải nghĩa cho dễ đọc dễ hiểu và những chữ nghi nan đã dẫn giải trong phần **PHỤ CHÚ** của **DỊCH GIẢ** ở cuối quyển.

Trong khi phiên dịch. Linh Sảng Y-Tổ như có biết, chắc Ngài cũng mừng rằng : Lời Cách Ngôn của Ngài nay đã có kẻ hậu học đem dịch ra quốc văn để phổ biến, hồng rộng đường căn bản cứu trợ quần sinh. Nhưng chắc Ngài cũng sợ, nếu dịch sai lại càng tệ hại hơn. Cho nên DỊCH GIẢ thường cảm thấy như có phụ bút, nên khi dịch mới đặc tâm ứng thủ mà linh hoạt mau chóng. Kính xin Y-TỔ chứng giám cho lòng thành của kẻ DỊCH GIẢ này.

Mấy lời bực bực. Xin Quý Vị cao minh trong nước cũng như ngoài nước chất chính cho đề quyền sách được hoàn thành. Ngõ hầu giúp ích phần nào cho những người hiếu học sau này.

Mong lắm thay ! !

Viết tại Saigon, ngày 12 tháng 7 năm 1971

DỊCH GIẢ

ĐÌNH-NINH - LÊ-ĐỨC-THIỆP

ĐÔNG Y SĨ

ĐỀ I PHÓ CHỦ TỊCH kiêm

TRƯỞNG BAN DỊCH THUẬT Y THU

TỔNG HỘI ĐÔNG Y HỌC VIỆT - NAM





**CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN**  
**THƯỢNG HẠ THIÊN**



## CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN THƯỢNG HẠ THIÊN

Quyển CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN này chia làm 2 thiên :

CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN thượng thiên.

CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN hạ thiên.

CHÂU NGỌC : Ngọc của con trai con sò ở dưới biển rất hiếm có. Ngọc châu nói lên sự quý giá hơn vàng ngọc.

CÁCH NGÔN : Lời nói có phép tắc mà thông suốt sâu rộng không thể đổi thay.

CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN : Những câu văn, những lời nói, đúc kết thu gọn lại trong khuôn phép mà thông suốt bao hàm những ý nghĩa căn bản bất di bất dịch. Lời nói đó thật quý như châu ngọc.

Trong quyển CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN HẠ THIÊN có thêm :

Phép nấu cao BAN LONG.

Phép chế NHÂN SÂM.

Phép chế NHỤC QUẾ.

Phần cuối quyển có bài :

PHỤ LỤC TRUYỀN TÂM BÍ CHỈ BỒ DI : Bỏ khuyết phép bí truyền trị bệnh « tý vị hư hàn thổ tả ».

Phụ chép :

Y HUẤN CÁCH NGÔN.

TIÊU SỬ Y TỒ.

Cuối quyển có thêm phần PHỤ CHÚ của DỊCH GIẢ.



## **LƯU Ý PHẦN PHIÊN DỊCH**

Trong quyển CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN này DỊCH GIẢ ghi soạn những câu « cách ngôn ».

Quyển trên 21 câu.

Quyển dưới 16 câu, mỗi câu đều :

VIẾT CHỮ HÁN có đánh số 1, 2, 3 v.v... để dễ tìm hiểu.  
PHIÊN ÂM.

DỊCH NGHĨA rồi dịch

BÀI GIẢI. Trong đó những chữ nghi nan, những câu ẩn nghĩa. Dịch giả đều chú thích và đôi khi có lời bàn ở trong dấu ngoặc đơn.

Còn những chữ số ở trong dấu ngoặc đơn như (1) (2) (3) v.v... xin xem trong bài PHỤ CHÚ của Dịch giả ở cuối quyển.

**DỊCH GIẢ**



DỊCH - GIẢ  
ĐỊNH - NINH -- LÊ - ĐỨC - THIẾP

珠 玉 格 言 上 篇  
CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN THƯỢNG THIÊN



## TIỂU DÀN

### (LỜI MỞ ĐẦU SƠ LƯỢC CỦA TÁC-GIA)

Trong lúc tiết trời đương tháng trường hạ (hạ tuần tháng 6 tiếp sang thượng tuần tháng 7 âm lịch) vào mùa gió nam, có gió nam thổi mát cho dân ta giầu mạnh và giải nóng.

Ta đang thông thả ngồi tựa cửa sổ trong nhà sách. Chợt có một vị danh y tới chơi, mời ông ngồi chiếu kê bên, khoản đãi trà cau trà nước. Đoạn ông khách thấy trên bàn giấy của ta có một tập sách mới soạn, liền cầm lấy đọc hết, vài lần, rồi dần dà hỏi rằng : « Ông biết làm thầy trị bệnh sao » ?

Ta ngồi chiếu đằng trước, nghe vậy đôi sắc mặt, trả lời : chí khí kẻ đại trượng phu, nên lấy việc « hết lòng vì vua, ban ơn cho dân » làm mục đích, ngô hầu không phải kẻ « hư sinh ». Nhưng chao ôi ! Ta gặp cái thời không thuận lợi mượn nơi suối rừng ẩn dật, sơn lâm chướng khí nó nhiễm làm lâm bệnh. Bởi vậy phàm những sách y học, không sách nào là không đọc qua. Đọc như vậy chỉ cầu đề trị bệnh cho mình, cho gia đình, chứ đâu dám tự nghĩ xuyên tạc đề hồng cầu cao chuộng lạ.

Ông khách nói : ta xem những lời trong sách này, nghị luận đến tinh tủy, mổ xẻ đến tim gan, nói lên được những điều tiền nhân khó nói lên, phát minh được những điều cổ nhân chưa phát minh. Thật là những lời vàng ngọc.

Ta rằng « Y lý » rất phồn tạp mênh mang, tuy phân tán ra thì cái « lý » tản ra thiên hình vạn tượng, mà tụ hội lại thì cái « lý » lại quy về một nguồn gốc. Huống chi người đọc sách muốn tìm tòi cái « lý », cần phải suy xét cái « lý » cho đến cùng. Nay những lời của ta cốt suy rộng ra cho hết cả những ý kiến ngoài cái lý chính. Vậy cảm phiền ông đặt tên cho quyển sách này, ngô hầu tỏ cái tình tri kỷ.



Ông khách dạ rồi cầm ngay bút đề rằng « CHÂU NGỌC CÁCH! NGÔN THIÊN », kể đó, ông lại tặng mấy chữ « Y LÝ DÃ, NHẤT DĨ QUÁN CHI GIẢ, KỲ THỊ THƯ DÃ PHÙ » Ôi ! Y là lý vậy, cái lý đó một gốc mà thông suốt ra muôn ngành là quyền sách này vậy. Rồi từ tạ ra về.

Nhân vậy ta chia quyền sách này làm 2 thiên : thượng thiên và hạ thiên, đề Đọc giả đọc đi đọc lại, hàng hàng lớp lớp, có ngọn có ngành không bối rối lẫn lộn, hầu mong đủ dùng vào những mục mà các bậc cao minh chưa thì giờ xét tới. Đó là mấy lời mở đầu.

*LÊ-THỊ biệt hiệu HẢI THUẬN LÃN ÔNG*



DỊCH - GIẢ  
ĐỊNH - NINH — LÊ - ĐỨC - THIẾP

CHÂU NGỌC GÁCH NGÔN THƯỢNG THIÊN

1

命門火。白竅火。均爲相火之名。見症所當異治。  
六味丸。八味丸。雖是腎家之藥。其中自有分方。

PHIÊN ÂM

Mạnh môn hỏa, Bạch khiếu hỏa, quân vị tướng hỏa chi danh, kiến chứng sở đương dị trị.

Lục vị hoàn, bát vị hoàn, tuy thị thận gia chi dược, kỳ trung tự hữu phân phương.

DỊCH NGHĨA

Hỏa ở MẠNH MÔN, hỏa ở BẠCH KHIẾU (1), 2 hỏa ấy tuy đều là TƯỚNG HỎA (2) nhưng khi thấy bệnh mà trị, nên trị khác nhau.

Bài LỤC VỊ HOÀN (3) bài BÁT VỊ HOÀN (4), 2 bài thuốc ấy tuy đều là thuốc của THẬN, nhưng trong đó có phân chia riêng biệt.

BÀI GIẢI

Hỏa của huyết MẠNH MÔN ở giữa 2 quả THẬN (hữu thận và tả thận) gọi là long-hỏa hay long-lôi hỏa (tức tương-hỏa).



Long-hỏa ấy vượt lên làm bệnh là bởi sắc dục quá độ làm cho dương hỏa ở trong thận hư hàn đi mà âm thủy trong thận đầy rầy lên. Âm thủy đầy lên thì Long-hỏa ở đấy sợ lạnh mà bay lên. Long-hỏa bay lên thì trên nóng dưới lạnh làm ra những chứng bệnh như nóng đầu mặt, toát mồ hôi, lạnh tay chân, đau sát lưng, nên phải uống BÁT'VỊ cho nóng ấm cái huyết MẠNH MÔN để Long-hỏa đi trở xuống thì các bệnh hết.

Sách NỘI KINH (5) rằng: « DẪN HỎA QUY NGUYÊN » — dẫn hỏa về nguồn là nghĩa thế (như vậy ta biết rằng « thủy vượng thì phải bổ hỏa »).



HỎA của huyết BẠCH KHIẾU ở về bên HỮU THẬN, gọi là tượng hỏa.

Tượng hỏa ấy bùng lên làm bệnh là bởi cái chân thủy (tinh khí) ở HẮC KHIẾU bên TẢ THẬN suy kiệt đi thì không còn thủy để đè nén cái hỏa ở BẠCH KHIẾU xuống, nên cái hỏa ấy đi tầm bậy thế là trên nóng dưới khô làm ra những bệnh như đầu mặt choáng vàng, miệng lưỡi khô, tiểu tiện nóng, đại tiện táo, nên phải uống LỤC VỊ để bổ thủy, thủy vượng tự nhiên đè nén cái hỏa xuống thì các bệnh hết.

Sách NỘI KINH rằng: « TRẮNG THỦY DĨ CHẾ DƯƠNG QUANG » cho nhiều nước vào để trấn cái sức nóng của dương hỏa xuống là nghĩa thế (như vậy ta biết rằng: « hỏa vượng thì phải bổ thủy »).



MẠNH MÔN hỏa, BẠCH KHIẾU hỏa, 2 cái hỏa khác nhau như thế mà có sách gọi chung một danh từ « tượng hỏa ». Đánh rằng có 1 cái hỏa thì tại sao? Có cái hỏa vì sợ lạnh mà bay vượt lên, có cái hỏa vì thiếu lạnh mà kháng cự. Bởi không biết rõ trong THẬN có 2 huyết: HỮU THẬN và TẢ THẬN (hữu thận thuộc hỏa, hỏa suy, thủy vượng thì hỏa bay lên, nên



phải dùng BÁT VỊ để ôn hỏa ; Tả thân thuộc thủy, thủy thiếu, hỏa dư, thì hỏa kháng cự, nên phải dùng LỤC VỊ để bổ thủy) mà phân biệt ra, để cho Học giả hoang mang lẫn lộn trong lúc điều trị, có khi rót thêm nước vào nơi đã thành băng tuyết (thủy vượng mà cho uống LỤC VỊ) ; nhóm thêm lửa vào chỗ đang bị đốt cháy (hỏa vượng mà cho uống BÁT VỊ). Thế cũng là chưa biết phân chia LỤC VỊ và BÁT VỊ cho riêng biệt.

\*  
\* \*

## 2

火既虛。偏壯水。龍無藏身之地。  
火不歸源。而陽斯絕矣。  
水既虧。偏益火。陰無斂陽之能。  
陽無所附。而氣亦亡焉。

### PHIÊN ÂM

Hỏa ký hư, thiên tráng thủy, long vô tàng thân chi địa, hỏa bất quy nguyên, nhi dương tư tuyệt hĩ.

Thủy ký khuỵ, thiên ích hỏa, âm vô liễm dương chi năng, dương vô sở phụ, nhi khí diệc vong yên.

### DỊCH NGHĨA

Hỏa đã hư mà còn thiên về phần bổ thủy cho mạnh, thủy mạnh thì long hỏa không có chỗ tàng thân. Như vậy hỏa không về nguồn thì dương cũng tuyệt.

Thủy đã kiệt mà còn thiên về phần bổ hỏa, hỏa mạnh thì âm không có tài thu liễm được dương. Như vậy dương không có chỗ nương tựa thì khí cũng tiêu.

### BÀI GIẢI

Âm thủy ở trong THẬN đầy quá thì long hỏa không có chỗ tàng thân phải bay vượt lên vì sợ âm hàn, Nếu không biết



làm cho nóng ấm cái ổ âm thủy ấy để dẫn long hỏa nó về nguồn. Cứ thấy những chứng bệnh thượng nhiệt (không biết có hạ hàn) mà cho uống LỤC VỊ để bổ thủy, thủy càng thịnh thì hàn khí càng tăng. Như vậy hỏa phải đi thì dương cũng tuyệt.

Dương hỏa ở trong THẬN vượng quá, vì âm thủy suy kiệt, không đủ sức đề đề nén cái hỏa xuống thì hỏa phải đi tìm bậy. Nếu không biết đại bổ âm để cho mạnh chân thủy. Cứ thấy những bệnh táo nhiệt (không biết là âm hư) mà cho uống BÁT VỊ để bổ hỏa, dương hỏa càng vượng thì âm thủy càng cạn đi. Như vậy sức phải kiệt thì khí cũng không còn.

Đó là 2 bài thuốc để bổ thủy bổ hỏa mà dùng đúng chỗ thật hay như thuốc thánh. Nhưng nếu sai lầm dùng « treo căng ngồng » thì có chỗ rất sợ.

Nghĩa là âm thủy đã thịnh thì phải dùng BÁT VỊ, chứ còn dùng LỤC VỊ để bổ thủy sẽ đi đến vong dương (cái dương khí mất đi). Vong dương thì nguy hiểm mau chóng. Dương hỏa đã vượng thì phải dùng LỤC VỊ, chứ còn dùng BÁT VỊ để bổ hỏa sẽ đi đến vong âm (cái âm khí mất đi) vong âm thì sự nguy hiểm nó đến chậm.

Tại sao ? « vong âm thì sự nguy hiểm nó đến chậm » ? Bởi âm hư còn dùng BÁT VỊ bổ hỏa, trong BÁT VỊ có QUẾ, PHỤ nó bổ hỏa mà nó nằm trong một đội âm được là THỰC, THỦ thì nó ngấm ngấm làm hại chứ không hiện chứng ra ngoài tức khắc, cũng như nước cạn dần dần thì đất đá cũng lòi ra dần dần có khác gì.

---

(Biết rằng: Câu cách ngôn số 2 này bổ túc cho rõ nghĩa câu cách ngôn số 1 ở trên.

— Nói âm thủy là nói tinh và huyết, nói dương hỏa là tý vị khí, thận khí.

— Âm thủy trong thận mà thịnh tức là thiếu phần hỏa thì mạch ở lưỡng xích hay tả xích trầm tế, nên uống BÁT VỊ.



Dương hỏa trong thận mà vượng, tức là thiếu phần thủy thì lục mạch, hồng hoạt hay hoạt sắc nên uống LỤC VI).

\* \* \*

### 3

救五臟之傷。到底莫忘乎腎。  
治久虛之症。愈宜愛惜其痰。

#### PHIÊN ÂM

Cứu ngũ tạng chi thương, đáo đề mạc vong hồ thận.  
Trị cửu hư chi chứng, dũ nghi ái tích kỳ đàm.

#### DỊCH NGHĨA

Cứu trị những ngũ tạng bị tổn thương (6), rốt cuộc phải nghĩ đến anh THẬN mà bồi bổ.

Điều trị những chứng bệnh suy hư lâu ngày, rất nên gìn giữ chân ĐÀM, chớ có khu trừc.

#### BÀI GIẢI

THẬN là nguồn lực của tạng phủ ; là gốc của 12 mạch (7) ; là nền tảng đề lập mạng sống ; là căn bản để có sức sống ; là biển chứa tinh huyết. Tất cả những thần của tám ; khí của phế ; sự quyết đoán của can đảm ; sức vận nạp của tỳ vị. Việc truyền tống của đại tiểu trường ; đường tiết hóa của bàng quang ; khí thăng giáng của tam tiêu (12) đều phải nhờ vào một điểm chân dương ở trong THẬN như một ông tổ vậy.

Sách NỘI KINH rằng : « Khi ngũ tạng mà bị tổn thương phải xét đến anh THẬN ». Lại rằng : « trăm mạch đều gốc ở THẬN ». Lại rằng « gặp những bệnh hư nhược phải mau mau gìn giữ lấy bắc phương (Bắc phương thuộc thủy, tức thận thủy) để bồi dưỡng sanh mạng.



Như vậy trị bệnh tổn thương của ngũ tạng phải nhớ đến THẬN, vì thận là một chân dương có thể quên được sao !



ĐÀM là bởi tân dịch của con người hóa ra. ĐÀM có từ lúc sơ sinh mà ĐÀM cũng là men nhựa của chân khí. Vậy ĐÀM cũng là một vật để dưỡng sinh.

Sách NỘI KINH rằng : « ĐÀM vẫn không có thể sinh ra bệnh, thiết chỉ bởi có bệnh mà bệnh sinh ra ĐÀM ». Phép trị ĐÀM nên theo dõi bệnh ĐÀM bởi đâu sinh ra mà trị. Sự điều trị phải khéo săn sóc, bởi ĐÀM là một vật « hữu dụng » trong thân thể con người, không nên làm những phép công ĐÀM trực ĐÀM tìm bậy để tổn hại nguyên khí, để hao tán tân dịch.

Trị bệnh ĐÀM lúc thường còn như thế, huống chi lúc bệnh hư nhược lâu ngày lại không biết gìn giữ sao !



## 4

熟地炒香。引陰從陽。堪作脾家之妙品。

白朮煮膏。化火就水。誠為脾血之良方。

### PHIÊN ÂM

Thục địa sao hương, dẫn âm tòng dương, kham tác tỳ gia chi diệu phẩm.

Bạch truật chũ cao, hóa hỏa tị thủy, thành vi tỳ huyết chi lương phương.

### DỊCH NGHĨA

THỤC ĐỊA khi đã sao có mùi thơm lên rồi, có thể là chất tốt, để bổ cho Tỳ, vì âm được đã chuyển thành dương được. BẠCH TRUẬT khi đã nấu thành cao rồi, thực là phương thuốc hay, để bổ âm huyết cho Tỳ, vì chất cương táo (hỏa) đã biến thành êm dịu (thủy).











là SÂM TRUẬT ÍCH VỊ THANG. Lại cũng bài BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG gia 2 vị HOÀNG CẨM, THẦN KHÚC thì gọi là ÍCH VỊ THĂNG DƯƠNG THANG. Hai bài thuốc ấy đều gia HOÀNG CẨM để ích VỊ, thì thà rằng cứ bội dụng BẠCH TRUẬT vì quân cũng là an TỠ rồi, hà tất phải gia HOÀNG CẨM. Bởi vì : Nếu dùng BẠCH TRUẬT để bổ TỠ dương thì VỊ hỏa càng nóng thêm, cho nên phải dùng HOÀNG CẨM để thanh VỊ hỏa mà bổ TỠ âm, thì mới lưỡng đắc.

Như vậy, cái thâm ý dùng HOÀNG CẨM để bổ VỊ tự mình có thể suy nghĩ đón nhận mà biết được.

(Biết rằng : Dùng HOANG CẨM để thanh VỊ hỏa mà bổ tỳ âm, mặc dù HOANG CẨM có sao chín đi rồi, nó cũng hãy còn cái bản chất hàn để làm chậm sự tiêu hóa, nhưng chỉ chậm tiêu trong đôi lúc thôi, chứ khi âm dương đã thuận hòa rồi thì lại tiêu hóa bình thường. Lại nên nhớ rằng : dùng HOANG CẨM để bổ TỠ ÂM là vào cái lúc VỊ HỎA nóng rạo rọi dùng. Nếu tỳ vị hư hàn chớ có dùng).

\* \* \*

## 6

觀形以稟弱稟彊。確其爲虛爲實而治。  
察脉以有力無力。明於可補可瀉之機。

### PHIÊN ÂM

Quan hình dĩ bầm nhược, bầm cường. Xác ký vi hư vi thực nhi trị.

Sát mạch dĩ hữu lực, vô lực, minh ư khả bổ khả tả chi cơ.

### DỊCH NGHĨA

Xem hình sắc phải nhận biết người yếu hay người mạnh, để xác định là hư chứng hay thực chứng mà trị. (Biết rằng : người yếu là hư chứng, người mạnh là thực chứng).



như lời dạy trên thì thật chả sai một mảy may. Lời dạy của bực Tiên Triết thật là rất đúng.

\*  
\* \*

7

以泄燥之機。深明於無火無水。  
憑乾渴之症。當辨其有陰有陽。

#### PHIÊN ÂM

Dĩ tiết táo chi cơ, thâm minh ư vô hỏa, vô thủy.  
Bằng can khát chi chứng, đương biện kỳ hữu âm, hữu dương.

#### DỊCH NGHĨA

Muốn biết bệnh trạng đại tiện tiết, đại tiện táo; nó khác nhau thì phải phân biệt về vô hỏa, vô thủy cho thật rõ.

Muốn biết chứng bệnh miệng khô, miệng khát, nó khác nhau thì phải bằng cứ vào hữu âm, hữu dương mà phân biệt.

#### BÀI GIẢI

Sự nhận định những bệnh chứng đã hiển nhiên là nên dùng LỤC VỊ (3) hay BÁT VỊ (4), vạn phần không thể sai một, (nói trên ở bài số 1) khác với sự phân biệt về 4 chứng bệnh đại tiện tiết, đại tiện táo, miệng khát, miệng khô.

Đại tiện tiết (ỉa chảy) là bởi HẠ TIÊU (12) không có hỏa để thanh lọc riêng biệt (vô hỏa).

Đại tiện táo (ỉa rặn, phân hòn khô) là bởi THẬN thiếu nước, không đủ để thấm nhuận cho trơn (vô thủy).

☆

Sách Nội Kinh (5) rằng: « Bệnh miệng khát với miệng khô, có dương có âm rất khác nhau »,



Bệnh miệng khát là sức hỏa làm nóng rạo quá.

Bệnh miệng khô là tân dịch không đủ để thấm nhuận.

Cho nên :

Khát thì uống mãi không chán.

Khô thì uống luôn luôn không thấm ướt cổ họng.

Miệng khát là bên trong thiếu nước, phải cầu chất nước thanh lương ở ngoài để tự cứu (như thăng ma, cát can, hay thạch cao, hoàng cầm v.v...)

Miệng khô là nước tân dịch cạn làm cổ họng khô, phải tư nhuận cho thận mới thành công (như quy, thực, mạch môn v.v...)

---

Biết rằng :

— Đại tiện tiết thuộc hàn tả là vô hỏa, nên cho ôn ấm, nhưng thuộc nhiệt tả là vô thủy, nên cho lương thấm.

Đại tiện táo thuộc huyết khô là vô thủy, nên cho tư nhuận, nhưng thuộc hư táo là vô hỏa, nên cho tiêu đạo.

Miệng khát thuộc ngoại cảm thì khí nhiệt, muốn uống nước lạnh là dương bệnh, nên cho thanh giải, nhưng thuộc nội thương thì huyết nhiệt, muốn uống nước nóng là âm bệnh, nên cho cam toan ôn bổ.

Miệng khô thuộc thận thủy khô kiệt là âm bệnh, nên cho bổ huyết tư âm, nhưng thuộc tâm vị hỏa nhiệt là dương bệnh, nên cho thanh nhiệt.

Thế thì đại tiện tiết và đại tiện táo đều vì vô thủy, mà cũng vì vô hỏa. Miệng khát và miệng khô đều là âm bệnh mà cũng là dương bệnh. Nên nhận định cho kỹ.



## 8

少虛症候。惟從氣血之分。調補之。亦足建功。  
大虛機關。要求水火之源。療治之。方能取效。

### PHIÊN ÂM

Thiếu hư chứng hậu, duy tòng khí huyết chi phần, điều bổ chi, diệt túc kiến công.

Đại hư cơ quan, yếu cầu thủy hỏa chi nguyên, liệu trị chi, phương năng thủ hiệu.

### DỊCH NGHĨA

Những triệu chứng thiếu hư (suy yếu chút ít) chỉ theo trong phần khí huyết mà điều bổ, cũng đủ lập công.

Những cơ quan đại hư (suy yếu nhiều) nên tìm nguồn gốc thủy hỏa mà trị liệu, mới có thần hiệu.

### BÀI GIẢI

Nói chung : Trị những bệnh gần, bệnh nhỏ, bệnh mới hơi suy yếu, nên trách cứ vào khí huyết ở HẬU THIÊN (13) hữu hình, rồi chỉ tìm những thuốc cốt yếu hữu hình như TỪ QUÂN (14) TỨ VẬT (15) BỔ TRUNG (10) DƯỠNG VINH (16) QUY TỶ (17) là đủ để lập công.

Còn trị những bệnh đã lâu, bệnh lớn (trọng), bệnh suy yếu đã nhiều, nên tìm kỹ về thủy hỏa ở TIÊN THIÊN (18) vô hình rồi dùng những bài thánh dược để bảo vệ sự sống như LỤC VỊ (3) BÁT VỊ (4) mới có thể thần hiệu.

Sách Nội kinh (5) rằng : « Tiểu bệnh tất do ư khí huyết chi sở thương, đại bệnh tất cầu ư thủy hỏa chi vi hại » : bệnh nhỏ hẳn bởi khí huyết làm đau, bệnh lớn hẳn bởi thủy hỏa làm hại. Cho nên trị bệnh nhỏ nên tìm về khí huyết, trị bệnh lớn nên tìm về thủy hỏa mà trị.

\* \* \*







Bệnh ấy bởi hư hỏa xông lên, nghịch khí theo hỏa ấy lên mà ợ ra. Trong khi ợ đó, nước ở dạ dày cũng theo khí mà lên đầy cổ họng, khạc nhổ không ra, bất đắc dĩ phải miễn cưỡng nuốt xuống, cảm thấy có mùi chua. Mùi chua ấy nếu không phải sẵn có ở trong thì lúc đó có thức ăn nào ở ngoài đưa đến mà biết là chua.

---

Biết rằng : chữ « toan thống » : đau chua. Theo tự điển Từ-Hải 2 chữ TOAN nói trên thông dụng trong việc đau xương, chứ không phân biệt.

Bệnh Thôn-toan : ợ chua, thuộc vị hỏa thấp nhiệt. Còn thổ-toan : thổ ra cơm nước đã chua, thuộc tỳ vị hư hàn.

2 danh từ « chua » khác nhau, một đau chua trong ống xương, một ợ chua trong cổ họng.

\*  
特 記

## 11

血脫者色白。澀然而不澤。不但是陽虛。

氣脫者神昏。洒然而惡寒。豈期於熱盛。

### PHIÊN ÂM

Huyết thoát giả sắc bạch, đạm nhiên nhi bất trạch, bất dẫn thị dương hư.

Khí thoát giả thần hôn, tiển nhiên nhi ố hàn, khởi kỳ ư nhiệt thịnh.

### DỊCH NGHĨA

Những người bị chứng « huyết thoát » sắc mặt trắng bạch, nhợt nhạt mất màu da, chẳng những là « âm hư » mà còn là « dương hư ».

Những người bị chứng « khí thoát » tỉnh thần hôn ám,













































truyền đi tỳ phế thì làm sao mà thông đạt đi tạng khác cho được.

Phép uống thuốc, trước và sau bữa ăn ấy thật là muốn chóng mà lại hóa ra chậm.

Ta có một phép riêng biệt. Phàm uống thuốc thang hay thuốc hoàn đều nên uống vào lúc nửa no nửa đói. Bởi vì uống vào lúc sau bữa ăn là lúc no quá, sức thuốc bị chất ăn làm trở ngại, mà uống vào lúc trước bữa ăn là lúc đói quá thì tỳ vị yếu đuối không đủ sức hộ vệ để truyền tống sức thuốc. Vậy chỉ uống vào lúc trong bụng đói no lơ lửng ấy rất là ổn thỏa thích đáng.

Thật là một phép có ý nghĩa « trung dung » chẳng vội vàng, chẳng thông thả vậy.

*Đây là hết quyển*

**« CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN THƯỢNG THIÊN »**



*DỊCH GIẢ*  
ĐỊNH - NINH — LÊ - ĐỨC - THIẾP  
✱

CHÂU    NGỌC    CÁCH    NGÔN    HẠ    THIÊN  
珠       玉       格       言       下       篇

















































































































































































































